

# NỘI DUNG ÔN TẬP 2 TUẦN ĐẦU

## MÔN: NGỮ VĂN 8

(Từ 06/9/2021 đến 18/9/2021)

Ngày soạn : 2/9 /2021

### Tiết 1: **LÀM QUEN LỚP**

### **THÔNG QUA NỘI QUY HỌC ONLINE**

#### I/ LÀM QUEN LỚP:

#### II/ THÔNG QUA NỘI QUY HỌC ONLINE

##### a/ Nội quy lớp học

##### 1. Vào lớp đúng giờ

- Học theo thời khóa biểu
- Vào lớp học trước 5 hoặc 10 phút

##### 2. Trang phục lịch sự

- Khuyến khích mặc đồng phục
- Trang phục lịch sự, chỉnh chu

##### 3. Chuẩn bị học liệu

- Chuẩn bị đầy đủ sách vở, dụng cụ học tập.
- Hoàn thành bài tập, soạn bài theo dặn dò của giáo viên.

##### 4. Bật camera – Tắt micro

- Luôn bật camera để chúng ta có thể thấy nhau.
- Chỉ bật micro khi tham gia phát biểu, tương tác.
- Tắt micro để tránh tạp âm, giữ trật tự cho không gian lớp học.

##### b/ Quy tắc ứng xử

##### 1. Tôn trọng mọi người

- Tập trung nghe giảng
- Giơ tay khi phát biểu
- Lắng nghe khi người khác nói

##### 2. Tinh thần trách nhiệm

- Tuân thủ đúng nội quy lớp học
- Tham gia lớp học tích cực
- Sử dụng “khung trò chuyện” đúng mục đích
- Không làm việc riêng

##### 3. chủ động

- Khuyến khích đặt câu hỏi
- Ghi chép bài đầy đủ
- Nộp bài tập đúng hạn
- Chủ động tìm sự trợ giúp khi gặp khó khăn
- Chủ động giúp đỡ các bạn.

# Tiết 2: TRIỂN KHAI PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP BỘ MÔN LÀM QUEN VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

## I/ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP BỘ MÔN

### PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP BỘ MÔN NGỮ VĂN

#### DỤNG CỤ HỌC TẬP TỐI THIỂU



1. Sách giáo khoa.
2. 01 cuốn vở ghi bài. (200 trang)
3. 01 cuốn vở soạn bài, làm bài (200 trang)
4. Giấy Notes
5. Bút chì, bút đỏ, bút lông, bút highlight.
6. Hồ sơ học tập (nếu có)

#### PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP ĐỐI VỚI TỪNG PHÂN MÔN

##### 1. Đọc – hiểu:

- ❖ Biết cách đọc nhanh, đọc sâu, tìm ý, tìm chi tiết, đánh giá, suy luận....
- ❖ Biết cách khai thác hiệu quả của biện pháp tu từ nghệ thuật.
- ❖ Hiểu được thông điệp, ý nghĩa bài học rút ra từ mỗi văn bản

##### 2. Tiếng việt:

- ❖ Nắm vững khái niệm, đặc điểm của từng đơn vị kiến thức
- ❖ Làm được các bài tập liên quan
- ❖ Vận dụng tốt để tạo lập văn bản



### 3. Tập làm văn:

- ❖ Nhận diện được thể loại văn cần sáng tạo.
- ❖ Nắm vững phương pháp làm bài tương ứng với từng thể loại.
- ❖ Thuần thục trong cách xây dựng một dàn bài (xây dựng ý, hình thành ý...)
- ❖ Triển khai hiệu quả dàn ý thành một bài viết hoàn chỉnh.
- ❖ Chỉnh sửa bài viết sau khi đã hoàn thành.
- ❖ Mạnh dạn trình bày sản phẩm dưới dạng nói và viết.



## II/ LÀM QUEN VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

### 1. KỸ THUẬT “SƠ ĐỒ TƯ DUY”

Phương pháp dạy học tích cực theo kỹ thuật lược đồ tư duy do Tony Buzan đề xuất từ cơ sở sinh lý thần kinh về quá trình tư duy. Kỹ thuật này là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng.

**Dụng cụ:** Bảng lớn hoặc giấy khổ lớn, bút nhiều màu, các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy.

**Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm và giao chủ đề cho các nhóm
- Mỗi thành viên lần lượt kết nối ý tưởng trung tâm với ý tưởng của cá nhân để mô tả ý tưởng thông qua hình ảnh, biểu tượng hoặc một vài ký tự ngắn gọn.

### 2. KỸ THUẬT “CHIA SẺ NHÓM ĐÔI” (THINK, PAIR, SHARE)

Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi do giáo sư Frank Lyman đại học Maryland giới thiệu năm 1981. Đây là hoạt động làm việc theo nhóm đôi, qua đó phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề.

**Dụng cụ:** Không cần thiết sử dụng các dụng cụ hỗ trợ vì chủ yếu phát triển kỹ năng nghe và nói của học sinh

**Thực hiện:**

- Giáo viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để học sinh suy nghĩ.

- Học sinh thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau
- Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

### 3. KỸ THUẬT “KHĂN TRẢI BÀN”

Kỹ thuật khăn trải bàn cũng là phương pháp dạy học tích cực tổ chức hoạt động mang tính kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm nhằm:

- Thúc đẩy sự tham gia tích cực của học sinh
- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh
- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với nhau

**Dụng cụ:** Bút và giấy khổ lớn cho mỗi nhóm.

**Thực hiện:**

- Giáo viên chia nhóm, phân công nhóm trưởng, thư ký và giao dụng cụ.
- Giáo viên đưa ra vấn đề cho ccacs nhóm, từng thành viên viết ý kiến của mình vào góc của tờ giấy.
- Nhóm trưởng và thư ký sẽ tổng hợp các ý kiến và lựa chọn những ý kiến quan trọng viết vào giữa tờ giấy.

### 4. KỸ THUẬT KWL (KWLH)

K(What we Know)	W(What we Want to learn)	L(What we Learned)	H(How can we learn more)
Khủng long rất to. Khủng long chết hết rồi. Chúng sống hồi xưa lắm. Có rất nhiều phim nói về khủng long	Khủng long sống vào thời nào? Tại sao chúng chết? Chúng giống như thế nào nhỉ? Những ai nghiên cứu về khủng long? Làm thế nào chúng ta có thể tìm hiểu được về khủng long? (Câu hỏi giáo viên)	Nhà khảo cổ học có một cuộc sống rất thú vị. Khủng long ăn lá cây, cũng có một số ăn thịt. Nhiều con khủng long rất to, nhưng não lại rất nhỏ. Các mẫu hoá thạch giúp chúng ta hiểu thêm về loài khủng long.	Nghiên cứu Tham quan bảo tàng Tham quan thực tế Khảo cổ Xem phim Tìm kiếm trên Internet

Kỹ thuật KWL là một hình thức tổ chức dạy học thông qua hoạt động đọc hiểu được Donna Ogle giới thiệu năm 1986. Với kỹ thuật này, học sinh suy nghĩ về chủ đề bài đọc và ghi nhận tất cả những gì các em đã biết vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh lên danh sách các câu hỏi muốn biết thêm trong chủ đề và ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Sau khi đọc xong, học sinh sẽ tự trả lời cho các câu hỏi ở cột W và ghi nhận vào cột L.

Sau này biểu đồ KWL được bổ sung thêm cột H ở sau cùng nhằm khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Cột H sẽ ghi nhận những biện pháp tìm thông tin mở rộng sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L và muốn tìm hiểu thêm.

**Dụng cụ:** Bảng KWL (KWLH) dành cho giáo viên và học sinh.

**Thực hiện:**

- Chọn bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích
- Tạo bảng KWL (KWLH)
- Giáo viên vẽ lên bảng, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng riêng.
- Yêu cầu học sinh suy nghĩ nhanh và nêu ra các từ, cụm từ có liên quan đến chủ đề. Cả giáo viên và học sinh cùng ghi nhận vào cột K. Kết thúc hoạt động khi học sinh đã nêu ra tất cả các ý tưởng và tổ chức cho các em thảo luận về những gì đã ghi nhận.
- Giáo viên gợi mở cho học sinh xem muốn biết thêm điều gì về chủ đề. Khi học sinh nêu ra tất cả các ý tưởng thì giáo viên và học sinh cùng ghi nhận câu hỏi vào cột W.
- Bắt buộc học sinh đọc và tự điền câu trả lời tìm được vào cột L. Trong quá trình đọc, học sinh cũng đồng thời tìm ra câu trả lời và ghi nhận vào cột W.

### **Tiết 3: ÔN TẬP CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ**

#### **1/ Kiến thức**

<b>Biện pháp</b>	<b>Khái niệm, tác dụng, các dạng</b>	<b>Ví dụ</b>
<b>Điệp ngữ</b>	+ Là cách lặp đi lặp lại một từ, một ngữ để nhấn mạnh ý nghĩa gây cảm xúc + Các dạng điệp ngữ - Điệp ngữ cách quãng - Điệp ngữ nối tiếp - Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)	Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu tổ quốc Vì xóm làng thân thuộc Bà ơi! Cũng vì bà Vì tiếng gà cục tác Ồ trứng hồng tuổi thơ
<b>Chơi chữ</b>	+ Chơi chữ là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị. + Các lối chơi chữ thường gặp: - Dùng từ ngữ đồng âm.	Con cá đối bỏ trong cối đá Con mèo cái nằm trên mái kèo Trách cha mẹ em nghèo, anh nữ phụ duyên em

	<p>-Dùng lối nói trại âm(gần âm).</p> <p>-Dùng lối nói lái.</p> <p>-Dùng từ ngữ trái nghĩa,đồng nghĩa,gần nghĩa.</p>	
<b>Liệt kê</b>	<p>+ Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ hơn,sâu sắc hơn ý muốn trình bày.</p> <p>+ Các kiểu liệt kê:</p> <p><i>a.Xét theo cấu tạo:</i></p> <p>-Liệt kê từng cặp</p> <p>-Liệt kê không theo từng cặp.</p> <p><i>b.Xét theo ý nghĩa:</i></p> <p>-Liệt kê tăng tiến.</p> <p>-Liệt kê không tăng tiến.</p>	<p>Tỉnh lại đi em qua rồi cơn ác mộng</p> <p>Em đã sống rồi, em đã sống!</p> <p>Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung</p> <p>Không giết được em, người con gái anh hùng!</p>

**2/ Bài tập:**

**a/ Tìm điệp ngữ trong bài ca dao sau,cho biết tác dụng và dạng của điệp ngữ tìm được:**

Người ta đi cấy lấy công  
 Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề  
 Trông trời,trông đất,trông mây  
 Trông mưa,trông nắng,trông ngày,trông đêm  
 Trông cho chân cứng đá mềm  
 Trời trong,biển lặng mới yên tâm lòng.

**b/ Chỉ ra từ ngữ dùng để chơi chữ trong bài thơ sau:**

Chẳng phải liu điu vẫn giống nhà  
 Rắn đầu biếng học chẳng ai tha  
 Thẹn đèn hổ lửa đau lòng mẹ,  
 Nay thét mai gầm rát cổ cha  
 Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,  
 Lăn lưng cam chịu dấu roi tra  
 Từ nay Trâu Lỗ chăm nghề học  
 Kéo hồ mang danh tiếng thế gia.

(Lê Quý Đôn)

**c/ Chỉ ra phép liệt kê trong đoạn văn sau:**

Không gian yên tĩnh bỗng bùng lên những âm thanh của dàn hòa tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương,trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mô, vỗ, vả, ngón bấm, day, chóp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.

Tiết 4,5

**ÔN TẬP VỀ TẬP LÀM VĂN**  
(**ÔN TẬP VỀ VĂN TỰ SỰ, NGHỊ LUẬN**)

**A. Ôn tập kiểu văn bản tự sự .**

**I. Định nghĩa :**

- Tự sự (kể chuyện) là phương thức trình bày một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa .
- Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề, bày tỏ thái độ khen chê.

**II- Sự việc và nhân vật trong văn tự sự**

**1. Sự việc trong văn tự sự** được trình bày một cách cụ thể : sự việc xảy ra trong thời gian thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả ..Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt .

**2. Nhân vật trong văn tự sự :** là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản .

- Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thể hiện tư tưởng của văn bản .
- Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động .
- Nhân vật được thể hiện qua các mặt : gọi tên, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm .

**3. Ngôi kể trong văn tự sự**

- Kể chuyện theo ngôi thứ nhất là cách kể mà người kể xưng là tôi để dẫn dắt câu chuyện , giúp người nghe hiểu được sự việc chính của câu chuyện . Với ngôi kể này, người kể với tư cách là người trong cuộc tham gia vào các sự việc và kể lại, do đó độ tin cậy cao.
- Kể chuyện theo ngôi thứ ba là cách kể mà người kể giấu mình đi , gọi tên các nhân vật một cách khách quan . Với ngôi kể này, người kể với tư cách là người chứng kiến sự việc kể lại, do đó có thể kể linh hoạt thông qua nhiều mối quan hệ của nhân vật .

**4. Bố cục của văn bản tự sự**

gồm ba phần : Mở bài , Thân bài , Kết bài .

- Mở bài : giới thiệu sự việc nhân vật .
- Thân bài : Kể lại diễn biến sự việc .
- Kết bài : kể lại kết thúc câu chuyện .

**III. Kể chuyện đời thường và kể chuyện tưởng tượng .**

**1. Kể chuyện đời thường :** là kể những câu chuyện hằng ngày từng trải qua, từng gặp với những người quen hay lạ nhưng để lại những ấn tượng, cảm xúc nhất định nào đó. Một trong những yêu cầu hàng đầu của kể chuyện đời thường là nhân vật và sự việc cần phải hết sức chân thật, không nên bịa đặt, thêm thắt tùy ý .

**2. Còn kể chuyện tưởng tượng** là những truyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vở hay trong thực tế nhưng có ý nghĩa nào đó.

Truyện tưởng tượng được kể ra một phần dựa vào những điều có thật, có ý nghĩa, rồi tưởng tượng thêm cho thú vị và làm cho ý nghĩa thêm nổi bật .

**B. Ôn tập về văn bản Nghị luận và cách làm .**

**1. Định nghĩa**

\* Văn nghị luận là văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng, quan điểm nào đó. Muốn thế, văn nghị luận phải có luận điểm rõ ràng, lí lẽ dẫn chứng thuyết phục .

\* Những tư tưởng, quan điểm trong bài văn nghị luận phải hướng tới giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống thì mới có ý nghĩa .

## **2. Đặc điểm của văn nghị luận .**

- Mỗi bài văn nghị luận đều phải có luận điểm , luận cứ và lập luận .

- **Luận điểm** là ý kiến thể hiện quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định hay phủ định , được diễn đạt sáng tỏ , dễ hiểu , nhất quán. *Luận điểm* là linh hồn của bài viết .Nó thống nhất các đoạn văn thành một khối .*Luận điểm* phải đúng đắn, chân thật , đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục .

- **Luận cứ** là lí lẽ , dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm .Luận cứ phải chân thật , đúng đắn , tiêu biểu thì mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục .

- **Lập luận** là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm .Lập luận phải chặt chẽ ,hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

## **3. Bộ cục văn nghị luận :**

gồm ba phần : Mở bài , Thân bài , Kết bài .

- Mở bài : Đặt vấn đề.

- Thân bài : Giải quyết vấn đề .

- Kết bài : Kết thúc vấn đề .

## **4. Kiểu bài văn Nghị luận chứng minh, nghị luận giải thích.**

### **a/ Kiểu bài văn chứng minh.**

Chứng minh một vấn đề là dùng các dẫn chứng xác thực để làm sáng tỏ vấn đề đó là đúng

Trong văn chứng minh dẫn chứng là chủ yếu nhưng cũng cần lí lẽ để giảng giải vấn đề hoặc phân tích dẫn chứng thành các khía cạnh biểu hiện có cơ sở mà chứng minh,cũng có khi lí lẽ để dẫn dắt và liên kết dẫn chứng .

#### **+. Dàn ý lí thuyết văn chứng minh.**

##### **A. Đặt vấn đề .**

- Dẫn dắt vào vấn đề .

- Giới thiệu vấn đề cần chứng minh và giới hạn của nó .

##### **B. Giải quyết vấn đề .**

- Giải thích ngắn ( nếu cần ) : cần phân tích vấn đề thành các khía cạnh biểu hiện .

- Chứng minh các khía cạnh biểu hiện .

1. Chứng minh khía cạnh thứ nhất :

- Nêu khía cạnh .

- Dẫn chứng và phân tích dẫn chứng.

- Tóm tắt và chuyển ý .

2. Chứng minh khía cạnh thứ 2 ( làm như 1)

...

##### **C. Kết thúc vấn đề .**

- Tóm tắt ý chính của vấn đề , khẳng định và xác định đó là đúng .

- Liên hệ bản thân : nêu suy nghĩ và rút ra bài học .

### **b/ Kiểu bài văn giải thích .**

- giải thích một vấn đề là dùng lí lẽ để giảng giải, giúp người đọc , người nghe hiểu rõ và hiểu đúng vấn đề là gì vì sao lại như thế.



- Trong bài văn giải thích , lí lẽ là phương tiện chủ yếu sử dụng .Tuy nhiên ,để lí lẽ có cơ sở vững chắc và có sức thuyết phục nhiều khi cũng cần có dẫn chứng thể tiêu biểu .

**\* Dàn bài văn giải thích .**

**A. Đặt vấn đề .**

- Dẫn dắt vào vấn đề .

- giới thiệu vấn đề cần giả thích và giới hạn của nó .

**B. Giải quyết vấn đề .**

1- **Cắt nghĩa vấn đề** ⊕ giải đấpcâu hỏi : là gì , thế nào tại sao ..? – Các khái niệm ( từ ngữ , hình ảnh chủ yếu )toàn bộ vấn đề .

2- Trình bày các lí lẽ để giả thích vì sao, nguyên nhân nào làm xuất hiện lời nói , hành động ấy ( giải đấpcâu hỏi chính ( Tại sao ?)

a- Lí lẽ thứ nhất .

b- Lí lẽ thứ 2

3. Phương hướng , biện pháp vận dụng : ( giải đấpcâu hỏi chính : Như thế nào ?)

**C. Kết thúc vấn đề .**

- Tóm tắt ý chính , khẳng định lại ý nghĩa hoặc tầm quan trọng ,tác dụng của vấn đề .

- Nêu suy nghĩ hoặc rút ra bài học .

## **Tiết 6 HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN GIỚI THIỆU TỔNG THỂ CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 8**

### **I/ Hướng dẫn phần đọc hiểu văn bản:**

Cần trả lời ngắn gọn, trọng tâm, rõ ràng

+ *Về cấp độ nhận biết:* Liên quan đến tiếng Việt

+ *Về cấp độ thông hiểu:* Xác định được nội dung, thông điệp, chủ đề, tác dụng của các biện pháp tu từ

+ *Về cấp độ vận dụng:* Sử dụng thông tin trong hoặc ngoài đoạn trích để giải quyết các vấn đề hay tình huống được đặt ra trong văn bản. Từ đó nêu quan điểm của cá nhân

**Một số đề đọc hiểu văn bản:**

**Đề số 1**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*“Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung...Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.*

(Ngữ văn 7 tập 2, NXB Giáo dục, trang 25)

**Câu 1:** Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả của văn bản ấy?

**Câu 2:** Cho biết phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì? Câu nào là câu nêu luận điểm của đoạn?

**Câu 3:** Trong câu: *“Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung”*,... Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó?

**Câu 4:** Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

**Đề số 2**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm nào, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ...”

(Ngữ văn 7 – Tập 2, trang 53 NXB Giáo dục)

**Câu 1:** Đoạn văn trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng chủ yếu phép lập luận nào?

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép liệt kê trong câu: “Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống” .

**Câu 4:** Tìm, phân tích cấu tạo cụm chủ – vị mở rộng trong câu: “Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ...”

**Câu 5:** Viết một câu văn nêu nội dung chính của đoạn văn trên

**II/ Chương trình tổng thể Ngữ văn 8**

**Chương trình Ngữ văn cả năm: 35 tuần (140 tiết)**

Học kì I: 18 tuần x 4 tiết/tuần = 72 tiết

Học kì II: 17 tuần x 4 tiết/tuần = 68 tiết

Kì 1	Kì 2
<p><b>a/ Phân môn văn học (Đọc hiểu)</b></p> <p><b>+ Các văn bản truyện kí VN</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôi đi học.</li> <li>- Trong lòng mẹ.</li> <li>- Tức nước vỡ bờ.</li> <li>- Lão Hạc</li> </ul> <p><b>+ Các văn bản văn học nước ngoài.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cô bé bán diêm</li> <li>- Đánh nhau với cối xay gió.</li> <li>- Chiếc lá cuối cùng.</li> <li>- Hai cây phong</li> </ul> <p><b>+ Văn bản nhật dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tin về ngày trái đất năm 2000</li> <li>- Ôn dịch thuốc lá.</li> <li>- Bài toán dân số.</li> </ul> <p><b>+ Thơ :</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đập đá ở Côn Lôn</li> <li>- Muốn làm thằng cuội</li> <li>- Hai chữ nước nhà</li> </ul> <p><b>b/ Phân môn Tiếng Việt</b></p> <p><b>+ Từ ngữ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường từ vựng</li> </ul>	<p><b>a/ Phân môn văn học (Đọc hiểu)</b></p> <p><b>+ Các văn bản thuộc phong trào thơ mới</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhớ rừng.</li> <li>- Ông đồ</li> <li>- Quê hương</li> <li>- Khi con tu hú</li> </ul> <p><b>+ Các bài thơ của Hồ Chí Minh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tức cảnh Pác Bó</li> <li>- Ngắm trăng</li> <li>- Đi đường</li> </ul> <p><b>+ Các văn bản nghị luận trung đại</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiếu dời đô</li> <li>- Hịch tướng sĩ</li> <li>- Nước đại Việt ta</li> <li>- Bàn luận về phép học</li> </ul> <p><b>+ Văn bản nghị luận nước ngoài</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi bộ ngao du</li> </ul> <p><b>b/ Phân môn Tiếng Việt</b></p> <p><b>+ Kiểu câu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu nghi vấn</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ tương hình, từ tương thanh</li> <li>- Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội</li> </ul> <p>+ <b>Các biện pháp tu từ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói quá.</li> <li>- Nói giảm, nói tránh.</li> </ul> <p>+ <b>Ngữ pháp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trợ từ, thán từ</li> <li>- Tình thái từ</li> <li>- Câu ghép</li> <li>- Các dấu câu (Dấu ngoặc đơn, hai chấm, ngoặc kép)</li> </ul> <p><b>c/ Phân môn TLV</b></p> <p>+ <b>Văn tự sự</b> có kết hợp yếu tố miêu tả và biểu cảm</p> <p>+ <b>Văn thuyết minh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khái niệm</li> <li>- Thuyết minh về một thể loại văn học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu cầu khiến</li> <li>- Câu cảm thán</li> <li>- Câu trần thuật</li> </ul> <p>+ <b>Hành động nói</b></p> <p>+ <b>Hội thoại</b></p> <p>+ <b>Lựa chọn trật tự từ trong câu</b></p> <p><b>c/ Phân môn TLV</b></p> <p>+ <b>Văn thuyết minh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh về một phương pháp (cách làm)</li> <li>- Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh</li> </ul> <p>+ <b>Văn nghị luận</b> có kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị luận về hiện tượng đời sống</li> </ul>
--	--